

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHOÁI CHÂU  
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/12/2021

*“V/v: Hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**

**I. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**1. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phạm Văn H.

**2. Các Hội thẩm nhân dân:**

2.1. Bà Lê Thị O;

2.2. Bà Vũ Thị T.

**II. Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh L– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**II. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên:**  
Ông Nguyễn Hữu T A- Kiểm sát viên.

Ngày 15/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 153/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 về việc “Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 76/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 24/11/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị H1, sinh năm 1983, có mặt.

Quê quán: Thôn V C, xã H T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; HKTT, trú tại: Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**2. Bị đơn:** Anh Hoàng Minh T1, sinh năm 1972, có mặt.

Quê quán, HKTT, trú tại: Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Cháu Hoàng Ngọc C, sinh ngày 25/01/2005, có mặt;

3.2. Cháu Hoàng Cẩm V, sinh ngày 20/5/2012, có mặt;

Đều trú tại: Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**4. Người làm chứng:** Cháu Hoàng Minh C1, sinh ngày 10/3/2003, có mặt.

Trú tại: Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10-5-2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lưu Thị H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Hoàng Minh T1, sinh năm 1972 người quê ở Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và hiện ở Trung tâm Thương mại, xã D T, huyện Khoái Châu vào năm 2012. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại trụ sở UBND xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/3/2002. Sau khi kết hôn chị chuyển về nhà chồng chung sống, đồng thời chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú về tại địa phương xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cho đến nay. Tuy nhiên trong quá trình chung sống hai bên xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong thời gian dài từ năm 2018 đến nay, vợ chồng không có sự hòa hợp về quan điểm sống, bất đồng trong chuyện làm ăn, kinh tế gia đình. Giữa chị và anh T1 đã nhiều lần mâu thuẫn dẫn tới nhiều lần chị bỏ về bên ngoại và lần gần đây nhất là từ tháng 02/2021 hai bên căng thẳng trầm trọng nên đã sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Bản thân anh T1 trong những lần mâu thuẫn gần đây có đánh chị. Trong khoảng thời gian ly thân sau khi suy xét kỹ lưỡng chị xác định hai bên không thể hàn gắn, níu kéo thêm nên chị quyết định làm đơn xin ly hôn để giải quyết dứt điểm với anh T1.

Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đã thụ lý giải quyết vụ án và nhiều lần thông báo cho các bên đương sự đến giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về các nội dung liên quan. Ngày 12/10/2021 anh T1 đến làm việc và cho biết

quan điểm cụ thể như sau: Về quan hệ hôn nhân và điều kiện kết hôn cũng thống nhất như chị H1 đã trình bày. Sau khi kết hôn chị H1 chuyển về nhà chồng chung sống, đồng thời chuyển đăng ký hộ khẩu thường trú về tại địa phương Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên cho đến nay. Tuy nhiên trong quá trình chung sống giữa hai bên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn từ khoảng năm 2019 đến nay, hai bên không có sự hòa hợp về quan điểm sống, bất đồng trong chuyện làm ăn, kinh tế gia đình. Khi hai bên bất đồng trong chuyện gia đình anh cũng đã nói chuyện, thông báo cho hai bên gia đình biết để có sự động viên, khuyên bảo. Từ khoảng tháng 3/2021 hai bên xảy ra mâu thuẫn nên chị H1 làm đơn xin ly hôn gửi tới địa phương và Tòa án. Sau khi chị H1 làm đơn gia đình bên ngoại, các con cũng được biết để khuyên bảo, bản thân anh cũng khuyên bảo chị H1 nhưng chị H1 không thay đổi. Nay nếu chị H1 vẫn cương quyết giữ quan điểm xin giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí vì xác định không còn biện pháp nào khác để cải thiện quan hệ, tình cảm vợ chồng. Trước đây anh và chị H1 vẫn ở cùng nhau, mặc dù việc ai người đó làm, ban ngày hai bên đi lại, ở giữa nhà ở Thôn K T, xã Đ T, còn tối ở cửa hàng buôn, bán xe máy cũ ở Trung tâm thương mại Dân Tiến, thuộc xã D T, huyện Khoái Châu nhưng khoảng hơn 01 tháng nay chị H1 chuyển ra ngoài sống và làm việc ở đâu thì anh không rõ. Ngoài ra anh còn cho biết trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh đã nhiều lần nhận được giấy báo của Tòa án thông báo đến làm việc nhưng do anh bận công việc riêng nên anh chưa đến được.

*Về con chung:* Chị H1 và anh T1 đều khẳng định vợ chồng có 03 con chung, cháu lớn tên là Hoàng Minh C1, sinh ngày 10/3/2003; cháu thứ hai là Hoàng Ngọc C, sinh ngày 25/01/2005 và cháu thứ ba là Hoàng Cẩm V, sinh ngày 20/5/2012. Hiện nay cả ba cháu đang ở cùng anh T1. Ngoài ra hai bên không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác, bản thân chị H1 hiện cũng không mang thai.

Quan điểm của chị H1 xác định: Nếu ly hôn chị xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu gái là cháu C và cháu V, còn nếu không được thì chị nhận nuôi một cháu là cháu lớn (cháu C) cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 24/11/2021 quan điểm của chị H1 thay đổi và chị xác định nếu không được nhận nuôi hai cháu thì chị nhận nuôi một cháu là cháu bé (cháu V) cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Lý do trước chị xin nuôi cháu lớn nhưng nay lại xin cháu bé vì cháu V còn nhỏ cần được sự chăm sóc của mẹ và tính cách của cháu hợp với chị hơn. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu C1 do đã trưởng thành đủ 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của anh T1 xác định: Đối với cháu C1 do đã trưởng thành đủ 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn lại cháu C và cháu V nếu anh và chị Tuyên ly hôn anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu (cháu C và cháu V) cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung đối với cả 02 con chung: Anh không yêu cầu chị H1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Lý do anh xin nhận nuôi cả hai cháu vì anh có đủ điều kiện về vật chất, cũng tinh thần để chăm lo cho các cháu và anh không muốn chia rẽ tình cảm giữa các cháu.

Quan điểm của cháu C1 cho biết: Hiện cháu đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường và hiện đang học đại học. Trong thời gian bố mẹ cháu chung sống cháu thấy có thỉnh thoảng xảy ra bất đồng nhưng cháu không rõ nguyên nhân. Nay bố mẹ cháu ly hôn, quan điểm của cháu mong muốn bố mẹ hàn gắn để cùng chung tay xây dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái. Nguyên vọng của cháu mong muốn nếu bố mẹ ly hôn thì 03 anh em ở cùng bố vì mẹ thường xuyên vắng nhà và không làm ăn kinh tế, không để ý tới các con. Đồng thời cháu có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quan điểm của cháu Hoàng Ngọc C và cháu Hoàng Cẩm V: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2021 và ngày 09/11/2021 dưới sự chứng kiến của người giám hộ là chị Lưu Thị H1 cho biết nếu bố mẹ cháu ly hôn (không sống cùng nhau nữa) thì hai cháu đều mong muốn được ở với mẹ. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/11/2021 dưới sự chứng kiến của người giám hộ là anh Hoàng Minh T1, quan điểm của cháu C và cháu V đều có sự thay đổi, hai cháu xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn (không ở với nhau nữa) thì hai cháu đều xin được tiếp tục ở với bố vì bố cháu là người trực tiếp chăm lo mọi mặt cho các cháu. Lý do các cháu thay đổi quan điểm là do trước đây mong muốn mẹ cháu về hàn gắn sống cùng bố nhưng không được. Ngoài ra cả hai cháu đều có đơn xin được giải quyết, xét xử vắng mặt.

*Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:* Chị H1 và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

*Tại các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại chính quyền địa phương xã Đông Tiến:* Thống nhất như lời khai của chị H1 và anh T1.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Chị H1 và anh T1 giữ nguyên quan điểm, không thay đổi, bổ sung gì so với quan điểm đã trình bày trước đây.

- Quan điểm của cháu C1 mong muốn cả 03 anh em được ở với bố.
- Quan điểm của cháu C xin được ở với mẹ.
- Cháu V không cho biết quan điểm.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị Lưu Thị H1 được ly hôn với anh Hoàng Minh T1.

- Về con chung:

+ , Đối với cháu Hoàng Minh C1, sinh ngày 10/3/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên không đặt ra giải quyết.

+ , Cần xử giao cháu Hoàng Ngọc C, sinh ngày 25/01/2005 cho chị H1 và giao cháu Hoàng Cẩm V, sinh ngày 20/5/2012 cho anh T1 để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/12/2021 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị H1 và anh T1 đều có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị H1 và anh T1 đối với hai bên gia đình: Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

- Áp dụng Điều 147 BLTTDS năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:**

Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS 2015 xác định đây là vụ án về hôn nhân và gia đình trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K T, xã Đ T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015 thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

**[2] Về thành phần người tham gia tố tụng:** Thành phần người tham gia tố tụng Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều có mặt tại phiên tòa nên vụ án được đưa ra xét xử đảm bảo quy định của pháp luật.

**[3] Về nội dung:**

**[3.1] Về quan hệ hôn nhân:** Qua tài liệu các bên cung cấp, Tòa án thu thập xác minh cho thấy việc chị Lưu Thị H1 và anh Hoàng Minh T1 kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Đồng Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/3/2002 (theo số: 21/2002, quyển số: 01). Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H1 và anh T1 là hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Trong thời gian hai bên chung sống xảy ra nhiều bất đồng về mọi vấn đề trong cuộc sống và diễn ra trong thời gian dài. Gia đình cũng đã khuyên bảo nhiều, đồng thời trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng đã hòa giải nhưng hai bên vẫn không cải thiện được mối quan hệ, chị H1 xác định không thể hàn gắn, níu kéo nên chị cương quyết giữ quan điểm xin được giải quyết ly hôn. Phía anh T1 xác định mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng nếu chị H1 cương quyết giữ quan điểm xin ly hôn thì anh cũng nhất trí vì anh cũng không còn biện pháp nào khác. Do đó, cần xử cho chị Lưu Thị H1 được ly hôn với anh Hoàng Minh T1.

**[3.2] Về con chung:** Chị H1 và anh T1 có 03 con chung, cháu lớn tên là Hoàng Minh C1, sinh ngày 10/3/2003; cháu thứ hai là Hoàng Ngọc C, sinh ngày 25/01/2005 và cháu thứ ba là Hoàng Cẩm V, sinh ngày 20/5/2012.

- Về nuôi con chung:

+, Đối với cháu Hoàng Minh C1, sinh ngày 10/3/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên không đặt ra giải quyết.

+, Đối với cháu Hoàng Ngọc C, sinh ngày 25/01/2005 và cháu Hoàng Cẩm V, sinh ngày 20/5/2012. Quan điểm của chị H1 và anh T1 đều mong muốn nếu ly hôn xin được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu. Tuy nhiên chị H1 xác định nếu không được thì chị xin nuôi một cháu và là cháu Hoàng Cẩm V. Nguyên vọng của cháu C và cháu V ban đầu mong muốn được ở với chị H1 nhưng sau đó thay đổi đều xin được tiếp tục ở với anh T1. Tại phiên tòa cháu C xin được ở với chị Huệ, còn cháu V thì không trình bày quan điểm. Xét thấy việc nuôi con chung vừa là quyền nhưng cũng là trách

nhiệm của cả hai bên và nguyện vọng của các bên đều là chính đáng, điều kiện hiện của chị H1 và anh T1 đều đảm bảo để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì vậy cần xử giao cháu Hoàng Ngọc C, sinh ngày 25/01/2005 cho chị H1 và giao cháu Hoàng Cẩm V, sinh ngày 20/5/2012 cho anh T1 để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/12/2021 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H1 và anh T1 đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H1 và anh T1 đều có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**[3.3] Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của chị H1 và anh T1 đối với hai bên gia đình:** Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

**[4] Về án phí:** Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Điều luật áp dụng:** Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 - BLTTDS năm 2015; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**2. Về hôn nhân:** Xử cho chị Lưu Thị H1 được ly hôn với anh Hoàng Minh T1.

**3. Về nuôi con chung:**

+, Đối với cháu Hoàng Minh C1, sinh ngày 10/3/2003 đã trưởng thành trên 18 tuổi, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên không đặt ra giải quyết.

+, Xử giao cháu Hoàng Ngọc C, sinh ngày 25/01/2005 cho chị H1 và giao cháu Hoàng Cẩm V, sinh ngày 20/5/2012 cho anh T1 để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 15/12/2021 cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H1 và anh T1 đều có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

**4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình:** Không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này. Sau nếu có tranh chấp, yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

**5. Về án phí:** Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H1 đã nộp theo Biên lai thu số 0002689 ngày 21/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn đồng thời là người đại diện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 15/12/2021.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thẩm phán**

**Phạm Văn Huấn**